

TIN TIÊU ĐIỂM:**L**ao động
Người lao động được làm thêm tối đa 300 giờ/năm

Ngày 16/12/2015, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội đã ban hành Thông tư số 54/2015/TT-BLĐTBXH hướng dẫn về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi đối với người lao động (làm việc theo chế độ hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 12 tháng đến 36 tháng và hợp đồng lao động không xác định thời hạn) làm công việc sản xuất có tính thời vụ và công việc gia công hàng theo đơn đặt hàng. Theo đó, tổng số giờ làm thêm trong một năm đối với mỗi người lao động không quá 300 giờ.

Cũng theo Thông tư này, tổng số giờ làm việc tiêu chuẩn và số giờ làm thêm trong 01 tuần của người lao động làm công việc sản xuất có tính thời vụ và công việc gia công hàng tháng theo đơn đặt hàng không quá 64 giờ hoặc 48 giờ đối với các nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm. Tổng số giờ người lao động làm thêm trong 01 tháng không quá 32 giờ, riêng với công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm, tối đa là 24 giờ. Người sử dụng lao động được lựa chọn áp dụng giới hạn giờ làm việc tiêu chuẩn và giờ làm thêm theo tuần hoặc giới hạn giờ làm thêm theo tháng và phải ghi vào kế hoạch thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi trong năm. Trường hợp áp dụng giới hạn giờ làm thêm theo tháng thì đồng thời tổng số giờ làm việc tiêu chuẩn trong 01 tuần tối đa là 56 giờ hoặc 42 giờ đối với các nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.

Các công việc sản xuất có tính thời vụ và công việc gia công hàng theo đơn đặt hàng được xác định tại Thông tư số 54/2015/TT-BLĐTBXH như sau:

- (i) Sản xuất có tính thời vụ trong ngành nông - lâm - ngư - diêm nghiệp, đòi hỏi phải thu hoạch ngay hoặc sau khi thu hoạch phải chế biến ngay không để lâu dài được;*
- (ii) Gia công hàng theo đơn đặt hàng, bị phụ thuộc vào thời điểm chủ hàng yêu cầu, bao gồm cả các ngành dệt, may, da, giày, lắp ráp linh kiện điện tử.*

Về thời giờ nghỉ ngơi, Thông tư quy định, hàng tuần, người lao động được nghỉ ít nhất 01 ngày (24 giờ liên tục). Trong những tháng thời vụ hoặc phải gấp rút gia công hàng xuất khẩu theo đơn đặt hàng, nếu không thực hiện được nghỉ hàng tuần thì phải bảo đảm hàng tháng có ít nhất 04 ngày nghỉ cho người lao động. Với lao động làm việc trong ngày từ 10 ngày trở lên phải được nghỉ thêm ít nhất 30 phút tính vào giờ làm việc, ngoài thời giờ nghỉ ngơi trong ca làm việc bình thường. Doanh nghiệp có trách nhiệm bố trí để người lao động được nghỉ hoặc nghỉ bù đủ số ngày lễ, Tết, nghỉ hàng năm và các ngày nghỉ có hưởng lương khác đúng theo quy định của Bộ luật Lao động.

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 10/02/2016.

Doanh nghiệp **Bắt buộc phải bổ sung số điện thoại trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp**

Ngày 01/12/2015, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã ban hành Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp, quy định việc bổ sung thông tin số điện thoại của doanh nghiệp trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp là bắt buộc. Theo đó, doanh nghiệp không bổ sung thông tin về số điện thoại của mình thì hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp được coi là không hợp lệ

Cũng theo Thông tư này, trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày chính thức chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài, doanh nghiệp phải thông báo bằng văn bản đến Phòng đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính; thông báo phải được thực hiện theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư.

Một nội dung đáng chú ý khác là quy định về khai thác thông tin trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (www.dangkykinhdoanh.gov.vn).

Cụ thể, tổ chức, cá nhân được cung cấp công khai, miễn phí các thông tin về tên, mã số, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp; tên người đại diện theo pháp luật; mẫu dấu, tình trạng pháp lý của doanh nghiệp trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Đối với các thông tin như nội dung đăng ký doanh nghiệp, báo cáo tài chính của các loại hình doanh nghiệp, cá nhân, tổ chức có thể đề nghị để được cung cấp và phải trả phí theo quy định.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/01/2016.

Tài chính – Ngân hàng

Điều chỉnh quy định về dự trữ bắt buộc với tổ chức tín dụng

Ngày 04/12/2015, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã ban hành Thông tư số 23/2015/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế dự trữ bắt buộc đối với các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 581/2003/QĐ-NHNN ngày 09/06/2003 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước

Theo Thông tư, từ ngày 28/01/2016, Ngân hàng Nhà nước sẽ quyết định lãi suất tiền gửi dự trữ bắt buộc, lãi suất tiền gửi vượt dự trữ bắt buộc đối với từng loại hình tổ chức tín dụng và từng loại tiền gửi trong từng thời kỳ; thay vì Chính phủ quyết định như trước đây.

Trường hợp tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét quyết định giảm tỷ lệ dự trữ bắt buộc cho tổ chức tín dụng đến mức tối thiểu 0%.

Một nội dung mới khác của Thông tư này là quy định về việc giảm tỷ lệ dự trữ bắt buộc với tổ chức tín dụng đang thực hiện phương án cơ cấu lại đã được phê duyệt, tổ chức tín dụng tham gia cơ cấu lại tổ chức tín dụng yếu kém theo chỉ định. Trong trường hợp này, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét quyết định giảm tỷ lệ dự trữ bắt buộc cụ thể cho từng tổ chức tín dụng. Bên cạnh đó, trường hợp tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét quyết định giảm tỷ lệ dự trữ bắt buộc cho tổ chức tín dụng đến mức tối thiểu 0%.

Về việc thông báo dự trữ bắt buộc và trả lãi tiền gửi dự trữ bắt buộc, tiền gửi vượt dự trữ bắt buộc, Thông tư quy định với đồng Việt Nam, việc thông báo sẽ do Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố nơi tổ chức tín dụng đặt trụ sở thực hiện (trừ khi tổ chức tín dụng lựa chọn Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước thực hiện và có thông báo bằng văn bản cho Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố nơi đặt trụ sở chính). Với ngoại tệ, việc thông báo do Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước thực hiện.

Thông tư này có hiệu lực từ ngày 28/01/2016.

Được vay ngoại tệ ngắn hạn để kinh doanh hàng xuất khẩu qua biên giới

Nội dung này được nêu tại Thông tư số 24/2015/TT-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành ngày 08/12/2015 quy định cho vay bằng ngoại tệ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng vay là người cư trú.

Cụ thể, đến hết ngày 31/03/2016, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài sẽ xem xét cho vay ngoại tệ ngắn hạn để đáp ứng các nhu cầu vốn ngắn hạn ở trong nước nhằm thực hiện phương án sản xuất, kinh doanh hàng hóa xuất khẩu qua cửa khẩu biên giới Việt Nam mà khách hàng vay có đủ ngoại tệ từ nguồn thu xuất khẩu để trả nợ vay. Khi được tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài giải ngân vốn cho vay, khách hàng phải bán số ngoại tệ vay đó cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cho vay theo hình thức giao dịch hối đoái giao ngay (spot), trừ trường hợp nhu cầu vay vốn của khách hàng để thực hiện giao dịch thanh toán mà pháp luật quy định đồng tiền giao dịch phải bằng ngoại tệ.

Bên cạnh đó, Thông tư cũng cho phép tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được xem xét cho vay ngoại tệ ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để thanh toán ra nước ngoài tiền nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ khi khách hàng vay có đủ ngoại tệ từ nguồn thu sản xuất, kinh doanh để trả nợ vay; cho vay ngoại tệ ngắn hạn đối với doanh nghiệp đầu mối nhập khẩu xăng dầu được giao hạn mức nhập khẩu hàng năm để thanh toán ra nước ngoài khi không có hoặc không có đủ nguồn thu ngoại tệ từ hoạt động sản xuất, kinh doanh để trả nợ vay.

Về đồng tiền trả nợ, khách hàng vay bằng ngoại tệ nào thì phải trả nợ gốc và lãi bằng ngoại tệ đó; riêng đối với khoản vay ngoại tệ của doanh nghiệp đầu mối nhập khẩu xăng dầu và khoản vay ngoại tệ đầu tư ra nước ngoài đối với các dự án, công trình quan trọng quốc gia theo quy định, khách hàng vay không có hoặc không đủ nguồn thu ngoại tệ hợp pháp để trả nợ, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cho vay sẽ bán ngoại tệ cho khách hàng để trả nợ gốc và lãi vốn vay.

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2016.

Lãi suất vay mua nhà ở xã hội tối đa bằng 50% lãi suất bình quân các ngân hàng

Theo Thông tư số 25/2015/TT-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành ngày 09/12/2015 hướng dẫn cho vay vốn ưu đãi thực hiện chính sách nhà ở xã hội, khách hàng vay vốn để mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội hoặc vay vốn để đầu tư xây dựng nhà ở xã hội sẽ được hưởng lãi suất không vượt quá 50% lãi suất cho vay bình quân của các ngân hàng trên thị trường trong cùng thời kỳ. Đồng thời, lãi suất cho vay ưu đãi đối với các khách hàng xây dựng nhà ở xã hội để cho thuê thấp hơn đối tượng xây dựng nhà ở xã hội để thuê mua, bán

Về mức vay, Thông tư cũng có hướng dẫn cụ thể như sau: Khách hàng mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội được vay tối đa bằng 80% giá trị hợp đồng mua, thuê, thuê mua nhà trong ít nhất 15 năm kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên. Khách hàng xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở của mình được vay ưu đãi đến 70% giá trị dự toán hoặc phương án vay, tối đa bằng 70% giá trị tài sản bảo đảm tiền vay trong tối thiểu 15 năm. Với khách hàng xây dựng nhà ở xã hội chỉ để cho thuê, mức cho vay tối đa bằng 80% tổng mức đầu tư dự án, phương án vay và không vượt quá 80% giá trị tài sản bảo đảm tiền vay. Thời hạn cho vay tối thiểu là 15 năm và tối đa là 20 năm kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10/12/2015.

NHẬN ĐỊNH VỀ CHÍNH SÁCH VÀ PHÁP LUẬT:

QUY ĐỊNH VỀ THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG KHI HOÀN CẢNH THAY ĐỔI THEO BỘ LUẬT DÂN SỰ 2015

Luật sư Trần Ngọc Khánh Linh

Bộ luật Dân sự 2015 (sau đây gọi tắt là "BLDS 2015") vừa được Quốc hội khoá XIII thông qua vào sáng ngày 24/11/2015 và chính thức có hiệu lực từ ngày 01/01/2017. Trong đó, quy định về thực hiện hợp đồng khi hoàn cảnh thay đổi là quy định mới lần đầu được ghi nhận tại Điều 420 BLDS 2015. Với ý nghĩa hình thành một khung pháp lý cho phép hợp đồng được sửa đổi hoặc chấm dứt khi hoàn cảnh mà các bên dựa vào đó để giao kết hợp đồng đã thay đổi cơ bản, quy định về thực hiện hợp đồng khi hoàn cảnh thay đổi dự kiến có nhiều tác động tích cực đến hoạt động của các doanh nghiệp. Trong số này, NHQuang&Associates xin gửi tới Quý vị một số phân tích về quy định thực hiện hợp đồng khi hoàn cảnh thay đổi theo quy định tại BLDS 2015.

Dự liệu các rủi ro/sự kiện có thể phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng và việc phân chia các rủi ro giữa các bên trong hợp đồng là hành động cần thiết trong đàm phán, soạn thảo và ký kết hợp đồng của các doanh nghiệp. Một hợp đồng được quy định càng chi tiết về quyền, nghĩa vụ của các bên và phương án xử lý các rủi ro phát sinh thì hợp đồng đó có tính thực thi càng cao. Tuy nhiên, bản thân việc dự liệu các rủi ro cũng tiềm tàng những rủi ro nhất định với những sự kiện không thể dự đoán được. Trong những trường hợp này, theo khung pháp luật hiện hành, việc giải quyết tình huống phát sinh mà các bên đã không thể dự liệu từ trước phải được thực hiện theo nguyên tắc thiện chí, trung thựcⁱ. Nhưng việc doanh nghiệp trông đợi vào sự thiện chí của bên kia khi có tình huống phát sinh ngoài hợp đồng để cùng giải quyết tình huống đó trong thực tiễn là không quá khả quan vì pháp luật không có chế tài áp dụng cũng như không chỉ ra cách thức giải quyết khi bên kia không thiện chí hợp tác. Trong khi đó, áp

dụng điều khoản thực hiện hợp đồng khi hoàn cảnh thay đổi cơ bản (trong tiếng Anh gọi là "Hardship clause") sẽ giải quyết được vấn đề nêu trên khi cho phép các bên được quyền yêu cầu sửa đổi hoặc huỷ bỏ hợp đồng khi hoàn cảnh của hợp đồng thay đổi.

1. Tổng quan về điều khoản Hardship

Với mục tiêu đảm bảo tính công bằng trong thực hiện hợp đồng trước những tác động khách quan làm thay đổi về hoàn cảnh và môi trường kinh tế của hợp đồng khiến lợi ích, mục tiêu của các bên trong hợp đồng bị thay đổi đáng kể hoặc gây thiệt hại cho một/các bên, hoặc việc thực hiện hợp đồng trở thành một gánh nặng về kinh tế cho một/các bên, thực tiễn thực thi hợp đồng đã đòi hỏi một cơ chế can thiệp vào tính "bắt buộc" phải thực thi hợp đồng để bảo đảm tính công bằng hay "cân bằng về lợi ích" trong hợp đồng. Đáp ứng nhu cầu nêu trên, điều khoản Hardship đã ra đời vào những năm 1960 và lần đầu tiên được trình bày trong quyền "Pháp luật hợp đồng quốc tế" (xuất bản năm 1989) của Giáo sư Marcel Fontaine. Gắn với nhu cầu thực

tiền thương mại quốc tế, điều khoản Hardship sau đó được ghi nhận thành điều khoản riêng biệt tại Bộ Nguyên tắc Hợp đồng thương mại quốc tế (Principles of International Commercial Contract - PICC) do Viện quốc tế về nhất thể hoá Luật tư (UNIDROIT) ban hành và tại Bộ Nguyên tắc Luật Hợp đồng chung Châu Âu (Principles of European Contract Law - PECL) do Liên minh châu Âu ban hành với tên gọi “Thay đổi hoàn cảnh”. Ngoài ra, pháp luật thực định và án lệ của nhiều nước trên thế giới có thể kể đến như: Đức, Italia, Mỹ, Nam Tư, Ba Lan, một số nước thuộc châu Phi... cũng đã ghi nhận và thiết lập các cơ chế điều chỉnh điều khoản Hardship trong hợp đồng.

Theo quy định của pháp luật quốc tế, cơ chế can thiệp vào hợp đồng của điều khoản Hardship được mô tả rằng *“khi việc thực hiện hợp đồng trở nên khó khăn hơn cho một bên thì bên đó vẫn buộc phải thực hiện nghĩa vụ của mình, trừ trường hợp liên quan đến điều khoản về hoàn cảnh khó khăn”* (PICC, Điều 6.2.1) và *“Nếu việc thực hiện hợp đồng trở nên quá nặng nề vì sự thay đổi của hoàn cảnh, các bên buộc phải tham gia một cuộc đàm phán để điều chỉnh hợp đồng hoặc chấm dứt nó...”* (PECL, Điều 6:111). Theo đó, điều khoản Hardship hay điều chỉnh hợp đồng khi hoàn cảnh thay đổi có thể được xem/sử dụng như một cơ chế can thiệp hợp lý vào hiệu lực của hợp đồng, cho phép các bên có quyền yêu cầu điều chỉnh hợp đồng hoặc chấm dứt/hủy bỏ hợp đồng nếu không thể điều chỉnh được. Đây được xem là một ngoại lệ quan trọng của nguyên tắc tuân thủ tuyệt đối hợp đồng đã được giao kết nhằm duy trì sự cân bằng trong hợp đồng, phân chia rủi ro giữa các bên và thiết lập một cơ chế điều chỉnh phù hợp.

Tại Việt Nam, ngoại lệ của việc bắt buộc tuân thủ hợp đồng được ghi nhận tại các quy định về (1) Điều chỉnh phí bảo hiểm trong Hợp đồng kinh doanh bảo hiểmⁱⁱ; (2) Điều chỉnh giá của hợp đồng khi giá vật liệu xây dựng có biến động ngoài sự kiểm soát của các bên trong lĩnh vực xây dựng cơ bảnⁱⁱⁱ; (3) Điều chỉnh hợp đồng trong lĩnh vực đấu thầu (mà chủ yếu là điều chỉnh về giá hợp đồng)^{iv}; và (4) Cho phép điều chỉnh phương thức thanh toán tiền mua nhà thuộc quyền sở hữu nhà nước bằng vàng sang thanh toán bằng tiền, khi giá vàng tăng đột biến vào giữa năm 2004, đầu năm 2005^v. Có thể nói rằng, ở mức độ nhất định, việc điều chỉnh nội dung hợp đồng đã được pháp luật Việt Nam chấp nhận khi có những lý do hợp lý và bảo đảm sự cân bằng về lợi ích của các bên. Tuy nhiên, trên đây chỉ là những quy định chuyên biệt liên quan đến các loại hợp đồng đặc thù, hoặc liên quan đến chính sách của nhà nước mà không phải là căn cứ để giải quyết các tranh chấp liên quan các hợp đồng nói chung. Theo đó, quy định tại Điều 420 về Thực hiện hợp đồng khi hoàn cảnh thay đổi cơ bản được đưa vào BLDS 2015 là một bước đột phá mới phù hợp với xu hướng phát triển kinh doanh thương mại toàn cầu.

2. Quy định về điều khoản Hardship tại BLDS 2015

2.1 Quy định về hoàn cảnh thay đổi cơ bản

Theo quy định tại BLDS 2015, trong trường hợp hoàn cảnh thay đổi cơ bản, bên có lợi ích bị ảnh hưởng có quyền yêu cầu bên kia đàm phán lại hợp đồng trong một thời hạn hợp lý^{vi}. Trong đó, hoàn cảnh được coi là thay đổi cơ bản khi **có đủ** các điều kiện sau đây:

- (a) Sự thay đổi hoàn cảnh do nguyên nhân khách quan xảy ra sau khi giao kết hợp đồng;
- (b) Tại thời điểm giao kết hợp đồng, các bên không thể lường trước được về sự thay đổi hoàn cảnh;
- (c) Hoàn cảnh thay đổi lớn đến mức nếu như các bên biết trước thì hợp đồng đã không được giao kết hoặc được giao kết nhưng với nội dung hoàn toàn khác;
- (d) Việc tiếp tục thực hiện hợp đồng mà không có sự thay đổi nội dung sẽ gây thiệt hại nghiêm trọng cho một bên; và
- (e) Bên có lợi ích bị ảnh hưởng đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết trong khả năng cho phép, phù hợp với tính chất của hợp đồng mà không thể ngăn chặn, giảm thiểu mức độ ảnh hưởng đến lợi ích.

(BLDS 2015, Điều 420, khoản 1)

Như vậy, việc sửa đổi hoặc huỷ bỏ hợp đồng chỉ đặt ra khi một hoàn cảnh xảy ra và đáp ứng được tất cả các yếu tố sau:

- (1) *Tính khách quan*: Nguyên nhân dẫn đến sự thay đổi hoàn cảnh phải có tính khách quan;
- (2) *Thứ tự thời gian*: Sự thay đổi của hoàn cảnh phải xảy ra sau khi hợp đồng đã được giao kết;
- (3) *Tính lường trước*: Tại thời điểm giao kết hợp đồng, các bên không thể lường trước được sự thay đổi hoàn cảnh;
- (4) *Hậu quả của sự thay đổi hoàn cảnh*: (i) Nếu các bên biết trước về hoàn cảnh thay đổi thì hợp đồng đã không được giao kết hoặc được giao kết với nội

dung hoàn toàn khác, và (ii) Việc tiếp tục thực hiện hợp đồng mà không có sự sửa đổi nào về mặt nội dung sẽ gây thiệt hại nghiêm trọng cho một bên; và

- (5) *Khả năng ngăn chặn, khắc phục, giảm thiểu thiệt hại*: Bên có lợi ích bị ảnh hưởng đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết trong khả năng cho phép nhưng không thể ngăn chặn hoặc khắc phục, giảm thiểu mức độ ảnh hưởng đến lợi ích.

Với các yếu tố trên, điều khoản Hardship có nhiều nét tương đồng với quy định về sự kiện bất khả kháng tại BLDS hiện hành (BLDS 2005)^{vii} và BLDS 2015^{viii} ở tính khách quan, tính lường trước và khả năng ngăn chặn, khắc phục, giảm thiểu thiệt hại^{ix}, nhưng về hậu quả của việc áp dụng thì lại hoàn toàn khác biệt. Cụ thể, trong trường hợp không thực hiện được hợp đồng do sự kiện bất khả kháng, bên vi phạm nghĩa vụ sẽ không phải chịu trách nhiệm dân sự theo hợp đồng^x. Trong khi đó, với trường hợp hoàn cảnh của hợp đồng bị thay đổi cơ bản, bên bị thiệt hại có quyền yêu cầu bên vi phạm nghĩa vụ đàm phán lại hợp đồng để giải quyết hậu quả.

2.2 Cơ chế giải quyết khi hoàn cảnh thay đổi cơ bản

Theo quy định tại BLDS 2015, bên có lợi ích bị ảnh hưởng có quyền yêu cầu bên kia thoả thuận/đàm phán lại hợp đồng đã ký kết khi hoàn cảnh hợp đồng đã thay đổi cơ bản trong một thời hạn hợp lý. Kết quả của việc đàm phán lại hợp đồng có thể là hợp đồng được sửa đổi, hợp đồng bị chấm dứt hoặc không thể đàm phán được. Trong trường hợp hợp đồng không thể

đàm phán được, một trong các bên có quyền yêu cầu Tòa án chấm dứt hợp đồng tại một thời điểm xác định hoặc sửa đổi hợp đồng để cân bằng quyền và lợi ích hợp pháp của các bên do hoàn cảnh thay đổi cơ bản. Trong đó, Tòa án chỉ được quyết định việc sửa đổi hợp đồng trong trường hợp việc chấm dứt hợp đồng sẽ gây thiệt hại lớn hơn so với các chi phí để thực hiện hợp đồng nếu được sửa đổi.

Quy định về các điều kiện và thẩm quyền giải quyết việc sửa đổi/hủy bỏ hợp đồng của Tòa án tại BLDS 2015 đã tạo ra một khung pháp lý cho phép các bên tham gia ký kết, thực hiện hợp đồng được sửa đổi (bao gồm bổ sung, sửa chữa hay hủy bỏ một (một số) điều khoản tại hợp đồng) hoặc chấm dứt/hủy bỏ hoàn toàn hợp đồng đó khi hợp đồng không mang lại giá trị hay ý nghĩa ban đầu mà các bên mong muốn đạt được khi giao kết, thực hiện hợp đồng.

Cơ chế giải quyết việc sửa đổi/hủy bỏ hợp đồng chỉ giới hạn cho phép cơ quan Tòa án giải quyết mà không đặt ra thẩm quyền giải quyết của cơ quan Trọng tài. Theo đó, trong mọi trường hợp, nếu các bên không thể tự thỏa thuận được về việc sửa đổi hợp đồng khi hoàn cảnh thay đổi cơ bản thì một bên chỉ được quyền yêu cầu bên thứ ba là Tòa án đứng ra giải quyết. Điều này đồng nghĩa với việc thẩm quyền của cơ quan Trọng tài được các bên lựa chọn giải quyết tranh chấp hợp đồng sẽ bị loại trừ trong việc giải quyết tranh chấp giữa các bên liên quan đến thực hiện hợp

đồng khi hoàn cảnh thay đổi cơ bản. Việc loại trừ thẩm quyền của cơ quan Trọng tài sẽ có nhiều tác động đến cơ quan có thẩm quyền tranh chấp theo lựa chọn của các bên, đặc biệt là các vụ việc vừa phát sinh tranh chấp liên quan đến nội dung của hợp đồng vừa phát sinh tranh chấp liên quan đến thực hiện hợp đồng khi hoàn cảnh hợp đồng thay đổi cơ bản mà Trọng tài là cơ quan được các bên lựa chọn giải quyết tại hợp đồng. Đây là vấn đề cần lưu ý khi các bên xác lập hợp đồng.

3. Áp dụng điều khoản Hardship trong hoạt động của doanh nghiệp

3.1 Quyền viện dẫn điều khoản Hardship

Nội dung quy định tại Điều 420 BLDS 2015 không yêu cầu các bên phải có thỏa thuận về việc áp dụng điều khoản Hardship để được áp dụng quy định này. Do đó, về nguyên tắc các bên được quyền viện dẫn điều khoản Hardship để yêu cầu bên kia thỏa thuận sửa đổi hoặc hủy bỏ hợp đồng, hoặc yêu cầu Tòa án sửa đổi, chấm dứt hợp đồng khi “hoàn cảnh của hợp đồng bị thay đổi cơ bản” xảy ra mà không bắt buộc các bên phải có thỏa thuận trước đó về việc có được phép áp dụng quy định này hay không.

Tuy nhiên, “hoàn cảnh thay đổi cơ bản” tương đồng với “sự kiện bất khả kháng” về các yếu tố xác định một sự kiện được coi là “hoàn cảnh thay đổi cơ bản” hay “sự kiện bất khả kháng”, đồng thời, theo quy định tại BLDS hiện hành và BLDS

2015^{xi}, khi xảy ra một sự kiện được xác định là sự kiện bất khả kháng, về nguyên tắc, bên vi phạm nghĩa vụ sẽ được miễn trách nhiệm dân sự (tức phải áp dụng điều khoản sự kiện bất khả kháng), trừ trường hợp các bên có thoả thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác. Do đó, đảm bảo điều khoản Hardship không bị loại trừ bởi điều khoản về “sự kiện bất khả kháng”, các bên nên đưa điều khoản Hardship vào nội dung hợp đồng.

3.2 Loại hợp đồng thường được áp dụng điều khoản Hardship

Theo quy định tại BLDS 2015, việc áp dụng điều khoản Hardship không phụ thuộc vào loại hợp đồng áp dụng. Điều quan trọng nhất để viện dẫn áp dụng quy định này là doanh nghiệp cần chứng minh được các yếu tố xác định hoàn cảnh của hợp đồng được xem là có thay đổi cơ bản như chúng tôi đã phân tích ở trên.

Thực tiễn áp dụng điều khoản Hardship tại các nước cho thấy, hiện nay điều khoản này đã đem lại nhiều kết quả tích cực, giúp cân bằng lợi ích của các bên trong hợp

đồng, đặc biệt là các hợp đồng dài hạn^{xii}. Điều này được giải thích dựa trên tính chất “thay đổi” và “không lường trước được” tại các hợp đồng dài hạn thường được thể hiện rất rõ nét. Ngoài ra, những hợp đồng có thời hạn thực hiện kéo dài (có thể là vài năm hoặc vài chục năm) cũng luôn tiềm ẩn những nguy cơ, rủi ro phát sinh trong tương lai mà các bên không thể dự liệu được.

Kết luận:

Điều khoản Hardship được ghi nhận tại BLDS 2015 là một bước đột phá, phù hợp với thực tiễn kinh doanh trên thế giới, qua đó giúp hình thành một khung pháp lý bảo vệ quyền lợi của các bên tham gia hợp đồng khi hoàn cảnh của hợp đồng thay đổi, từ đó giúp phân chia rủi ro giữa các bên một cách hợp lý, duy trì tính cân bằng về lợi ích của các bên trong hợp đồng. Chúng tôi sẽ tiếp tục cập nhật thông tin và phân tích thêm về quy định mới này để gửi đến các doanh nghiệp. Doanh nghiệp có thể tham vấn thêm với chúng tôi nếu muốn tìm hiểu rõ hơn về điều khoản này./.

Lưu ý: Tất cả các ý kiến, nhận định và quy định được trích dẫn trong bài viết chỉ mang tính tham khảo nên không được coi đó là ý kiến pháp lý chính thức để vận dụng vào các trường hợp cụ thể. Bên cạnh đó, văn bản pháp luật được dẫn chiếu có thể đã hết hiệu lực hoặc đã được sửa đổi, bổ sung tại thời điểm Quý khách hàng tham khảo bài viết cho các tình huống phát sinh trên thực tế. Do vậy, để có được ý kiến pháp lý cho từng trường hợp một cách chính xác nhất, Quý khách hàng vui lòng liên hệ trực tiếp với chúng tôi.

**DANH MỤC VĂN BẢN MỚI BAN HÀNH TỪ NGÀY
09/12/2015 ĐẾN NGÀY 22/12/2015**

STT	Tên văn bản	Ngày ban hành
1.	Thông tư 20/2015/TT-BKHĐT của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp	01/12/2015
2.	Quyết định 2351/QĐ-TCT của Tổng cục Thuế về việc ban hành Quy trình tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính thuế của người nộp thuế theo cơ chế một cửa tại cơ quan thuế	11/12/2015
3.	Thông tư 54/2015/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi đối với người lao động làm công việc sản xuất có tính thời vụ và công việc gia công hàng theo đơn đặt hàng	16/12/2015
4.	Thông tư 28/2015/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về việc quản lý, sử dụng chữ ký số, chứng thư số và dịch vụ chứng thực chữ ký số của Ngân hàng Nhà nước	18/12/2015
5.	Quyết định 2589/QĐ-NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về mức lãi suất tối đa đối với tiền gửi bằng đô la Mỹ của tổ chức, cá nhân tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định tại Thông tư 06/2014/TT-NHNN ngày 17/03/2014	17/12/2015
6.	Thông tư 27/2015/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc hướng dẫn thực hiện cho vay trồng rừng sản xuất, phát triển chăn nuôi theo quy định tại Nghị định 75/2015/NĐ-CP ngày 09/09/2015 của Chính phủ về cơ chế, chính sách bảo vệ và phát triển rừng, gắn với chính sách giảm nghèo nhanh, bền vững và hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2015-2020	15/12/2015
7.	Quyết định 5384/QĐ-BYT của Bộ Y tế về việc ban hành Kế hoạch cải cách hành chính của Bộ Y tế giai đoạn 2016-2020	17/12/2015
8.	Thông tư 197/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định về hành nghề chứng khoán	03/12/2015
9.	Thông tư 80/2015/TT-BGTVT của Bộ Giao thông Vận tải quy định về việc cấp Giấy phép liên quan đến hoạt động xây dựng trong phạm vi bảo vệ công trình đường sắt	11/12/2015
10.	Thông tư 32/2015/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh đối với các cơ sở giáo dục đại học	16/12/2015

11.	Thông tư 35/2015/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc quy định Danh mục dịch vụ viễn thông bắt buộc quản lý chất lượng	15/12/2015
12.	Nghị định 128/2015/NĐ-CP của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Danh mục chi tiết hàng dự trữ quốc gia và phân công cơ quan quản lý hàng dự trữ quốc gia ban hành kèm theo Nghị định 94/2013/NĐ-CP ngày 21/08/2013 của Chính phủ	15/12/2015
13.	Thông tư 195/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn thi hành Nghị định 108/2015/NĐ-CP ngày 28/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt	24/11/2015
14.	Thông tư 25/2015/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc hướng dẫn cho vay vốn ưu đãi thực hiện chính sách nhà ở xã hội	09/12/2015
15.	Thông tư 24/2015/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc quy định cho vay bằng ngoại tệ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng vay là người cư trú	08/12/2015
16.	Thông tư 23/2015/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế dự trữ bắt buộc đối với các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định 581/2003/QĐ-NHNN ngày 09/06/2003 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước	04/12/2015
17.	Thông tư 48/2015/TT-BYT của Bộ Y tế về việc quy định hoạt động kiểm tra an toàn thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế	01/12/2015
18.	Thông tư liên tịch 51/2015/TTLT-BYT-BNV của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Phòng Y tế thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	11/12/2015
19.	Quyết định 2245/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án Tái cơ cấu ngành Khoa học và Công nghệ đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng góp phần phát triển kinh tế	11/12/2015
20.	Quyết định 2218/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về kế hoạch của Chính phủ thực hiện Nghị quyết 39-NQ/TW ngày 17/04/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức	10/12/2015

21.	Nghị định 126/2015/NĐ-CP của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Danh mục các chất ma túy và tiền chất ban hành kèm theo Nghị định 82/2013/NĐ-CP ngày 19/07/2013 của Chính phủ ban hành các danh mục chất ma túy và tiền chất	09/12/2015
22.	Quyết định 63/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người lao động bị thu hồi đất	10/12/2015

ⁱ BLDS 2005, Điều 6

ⁱⁱ Khi có tăng, giảm rủi ro bảo hiểm thì bên mua bảo hiểm và doanh nghiệp bảo hiểm được phép điều chỉnh hợp đồng (Luật Kinh doanh bảo hiểm 2000, sửa đổi năm 2010, Điều 20)

ⁱⁱⁱ Quy định tại Nghị định 32/2015/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng và Thông tư 04/2010/TT-BXD của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình. Lưu ý theo quy định tại Nghị định 32/2015/NĐ-CP, quy định điều chỉnh hợp đồng chỉ áp dụng cho dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước và vốn nhà nước ngoài ngân sách quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 60 Luật Xây dựng 2014. Đối với các dự án sử dụng vốn khác thì chỉ khuyến khích áp dụng quy định này.

^{iv} Luật Đấu thầu 2013, Điều 67.

^v Nghị quyết 23/2006 [về một số giải pháp nhằm đẩy nhanh tiến độ bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước cho người đang thuê theo quy định tại Nghị định số 61/CP ngày 05 tháng 7 năm 1994 do Chính phủ ban hành](#) (đã hết hiệu lực vào ngày 06/06/2013)

^{vi} BLDS 2015, Điều 420, khoản 2

^{vii} Theo quy định của BLDS 2005, sự kiện bất khả kháng được quy định tại Điều 166 BLDS về chịu rủi ro về tài sản, Điều 161 BLDS về thời gian không được tính vào thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự, thời hiệu yêu cầu giải quyết việc dân sự và khoản 2 Điều 302 BLDS về trách nhiệm dân sự do vi phạm nghĩa vụ dân sự.

^{viii} BLDS 2015, Điều 156

^{ix} Điều 161 BLDS 2005 định nghĩa sự kiện bất khả kháng như sau: “*Sự kiện bất khả kháng được hiểu là sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép*”. Nội dung này tại BLDS 2015 không thay đổi so với BLDS 2005. Theo đó, một sự kiện được xem là một sự kiện bất khả kháng thì sự kiện đó phải là (i) sự kiện xảy ra một cách khách quan, (ii) các bên phải và không thể lường trước được, và (iii) phải không thể khắc phục được dù đã áp dụng mọi biện pháp và khả năng cho phép. Ba yếu tố (i, ii, và iii) tại đây cũng là ba yếu tố để xem xét một hoàn cảnh được xem là thay đổi cơ bản theo quy định về điều chỉnh hợp đồng khi hoàn cảnh thay đổi cơ bản.

^x BLDS 2005, Điều 302, khoản 2; BLDS 2015, Điều 351, khoản 2.

^{xi} Trích dẫn: “*Trường hợp bên có nghĩa vụ không thực hiện đúng nghĩa vụ do sự kiện bất khả kháng thì không phải chịu trách nhiệm dân sự, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác*” (BLDS 2005, Điều 302, khoản 2; BLDS 2015, Điều 351, khoản 2).

^{xii} Nội dung tại Mục 5 - Bình luận Điều 6.2.2 PICC cũng có ghi nhận: “*Mặc dù Điều 6.2.2 không loại trừ một cách rõ ràng khả năng viện dẫn đến hoàn cảnh khó khăn thông qua thỏa thuận trong hợp đồng, hoàn cảnh khó khăn thường chính đáng đối với các hợp đồng dài hạn, nghĩa là việc thực hiện của ít nhất một bên được kéo dài trong một khoảng thời gian nhất định*”.